

Ngày 21/1/2008

Thông tin công ty

Ngành Hàng Hải

Mã chứng khoán	MHC
Giá hiện tại	41.000
Giá kỳ vọng	46.000
% tăng giá kỳ vọng	12.2%
Market Cap (Free Float method)	476,264 (m)
Vùng giá	30.500 – 58.000

Share data	
Tổng số cổ phiếu niêm yết	
Cơ cấu cổ đông:	Công ty Vận tải biển Việt Nam: 7.46% Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam: 4.47% Ông Nguyễn Minh Châu: 6.93% Bên ngoài: 60.65%

Chỉ tiêu	2006	2007F	2008F	2009F
Doanh thu (Triệu đồng)	223,879	265,000	270,000	288,900
Lợi nhuận (Triệu đồng)	15,704	21,000	22,000	24,200
EPS (VND)	2,342	2,505	2,756	3,032
CAGR	8.87%			
Tốc độ tăng trưởng EPS (%)		6.96%	10.02%	10.01%
DPS (VND)	1,200	1,200	1,200	1,200
PER	17.5	16.4	14.87	13.5
Divident Yield (%)	2.9	2.9	2.9	2.9

Dự báo mức giá kỳ vọng của MHC trong năm 2008 là 46.000 với PER=16.6x

Nhu cầu vận tải bằng đường biển tăng mạnh và sự quá tải tại các cảng biển:

Theo quy hoạch phát triển vận tải biển Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 đã được chính phủ phê duyệt thì mục tiêu phát triển sẽ là nâng cao thị phần vận chuyển hàng hóa đến năm 2010 là 25% đến năm 2020 là 35% và vận tải biển nội địa là 100%.

Theo quy hoạch đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 thì hệ thống cảng biển đến năm 2010 có khả năng thông qua 100 triệu tấn hàng hóa. Tuy nhiên trên thực tế con số thực tế hiện nay đã vượt xa dự báo cụ thể đến

năm 2006 số hàng hóa thông qua cảng đã lên tới 154 triệu tấn. Theo các chuyên gia dự báo thì tốc độ tăng trưởng 15%. Nhu cầu trở nên căng thẳng từ năm 2007 – 2010. Với tốc độ tăng trưởng xuất nhập khẩu hàng hóa hiện nay trong 5 năm tới để đáp ứng nhu cầu này Việt Nam cần 5 tỷ USD để đầu tư, nâng cấp, xây dựng hệ thống cảng biển.

Tốc độ tăng trưởng trong năm 2008, 2009 và năm 2010: Tổng các năm từ 2008 đến 2010 dự kiến tốc độ tăng trưởng của MHC là 5% mỗi năm do công ty gặp phải sự cạnh tranh gay gắt trong lĩnh vực vận tải đường biển với các công ty trong và ngoài nước, thêm vào đó tốc độ chi phí nguyên vật liệu tăng cao làm cho lợi nhuận của công ty không tăng cao.

Những giá trị thu hút từ công ty: Giá kỳ vọng trong năm 2008 là 46.000 tương ứng với PER=16.6x cùng với kế hoạch phát triển độ tàu trong tương lai hi vọng lợi nhuận công ty sẽ tăng trưởng tốt hơn mức dự đoán là 5%.

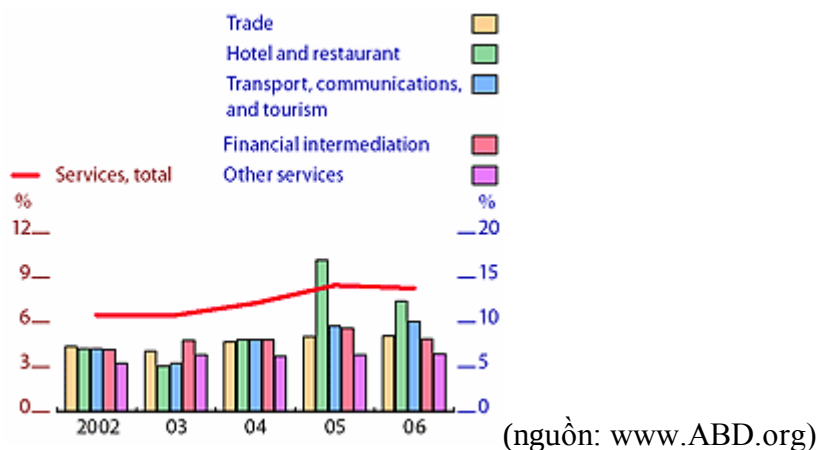
I. TRIỂN VỌNG NGÀNH HÀNG HẢI:

TỔNG QUAN NỀN KINH TẾ VIỆT NAM

Chỉ Tiêu:	2003	2004	2005	2006	2007E	2008E
Tốc độ tăng trưởng GDP:	7.3	7.8	8.4	8.2	8.3	8.4
Tiêu dùng cá nhân	8	7.1	7.3	7.5	7.8	8.0
Chi tiêu chính phủ	7.2	7.8	8.1	8.6	8.0	8.0
Fix Capital Formation	11.9	10.4	9.7	8.6	9.5	10.0
Đầu tư	0.2	0.2	0.7	0.5	0.2	0.3
Xuất khẩu ròng	-3.2	0.4	1.6	-0.1	-2.6	-1
Hàng hóa xuất khẩu	19	30.8	24	22.9	19.2	23.1
Hàng hóa nhập khẩu	26.7	26.1	17	20.4	27.5	22.8
Cán cân thương mại	-5.1	-5.5	-4.6	-4.8	-9.4	-11.4
Cán cân tài khoản vãng lai	-1.9	-1	0.2	0.7	-2.4	-2.9
Cán cân tài khoản vãng lai	-4.9	-2.1	0.4	1.2	-3.4	-3.6
Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)	3.1	7.8	8.3	7.5	7.9	8.0
Tỷ lệ dự trữ	5.00	5.00	6.50	6.50	6.50-7.50	6.50-7.50
Tỷ lệ chuyển đổi ngoại hối	15,642	15,773	15,918	16,056	15,900-16,300	16,000-16,400

Nguồn: Bloomberg, IMF

- Nhu cầu vận tải đường biển tăng mạnh, các chính sách kinh tế vĩ mô khuyến khích phát triển cơ sở hạ tầng đường biển.
- Tốc độ tăng trưởng ngành vận tải trong năm 2006 là 10.1% và tăng đều qua các năm từ 2002 đến 2006.



- Cùng với việc gia nhập WTO tạo ra 1 cơ hội mới cho ngành hàng hải số lượng hàng hóa xuất nhập khẩu có xu hướng tăng.

Dự báo luồng hàng xuất nhập khẩu vận chuyển bằng đường biển của Việt Nam năm 2010, 2020

Châu lục	Năm 2010		Năm 2020	
	Hàng xuất (1000 T)	Hàng nhập (1000 T)	Hàng xuất (1000 T)	Hàng nhập (1000 T)
Châu Âu	14.800	17.500	28.800	32.200
Châu Á	32.000	38.500	56.000	72.800
Châu Mỹ	20.800	10.500	48.000	25.200
Châu Úc	5.600	2.100	12.800	7.000
Châu Phi	2.000	350	4.800	1.400
Các nước khác	4.800	1.050	9.600	1.400
Tổng xuất; nhập	80.000	70.000	160.000	140.000
Tổng XNK	150.000		300.000	

Như vậy, đến năm 2010, khối lượng hàng xuất nhập khẩu của Việt Nam vận chuyển bằng đường biển lên tới 150 triệu tấn và năm 2020 là 300 triệu tấn.

Với lượng cung dự báo tăng qua các năm sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các công ty phát triển trong lĩnh vực dịch vụ trong ngành và tăng trưởng doanh thu trong lĩnh vực khai thác cảng biển.

Số lượng hàng hóa thông qua các cảng biển năm 2006:

STT	CẢNG	TÀU	HÀNG HÓA THÔNG QUA (x 1.000 MT)				
		CHIẾC	TÀN	NHẬP	XUẤT	NỘI ĐỊA	Container
MIỀN BẮC		5,863	38,544	9,405	18,110	11,029	790,856
1	Quảng Ninh	443	3,499	884	1,158	1,457	113,360
2	Cầm Phả	1,506	15,500		13,434	2,066	
3	Cảng dầu B12	222	2,931	2,486		445	
4	Hải Phòng	2,056	11,151	5,199	2,825	3,127	464,000
5	Đoạn Xá	198	1,789	285	263	1,241	96,000
6	Vật Cách	997	1,370			1,370	
7	Cửa cấm	230	321	33	1	287	
8	Transvina	211	1,983	518	429	1,036	117,496
MIỀN TRUNG		7,739	12,435	1,185	4,638	6,612	100,669
MIỀN NAM		8,285	51,275	27,439	13,530	10,306	1,864,842
8	Tân Cảng Sài Gòn	1,914	20,000	9,192	9,958	850	1,400,000
9	Sài Gòn	1,905	** 11,127	6,286	2,016	2,825	220,569
TỔNG CỘNG		21,987	102,566	38,164	36,455	27,947	2,777,219

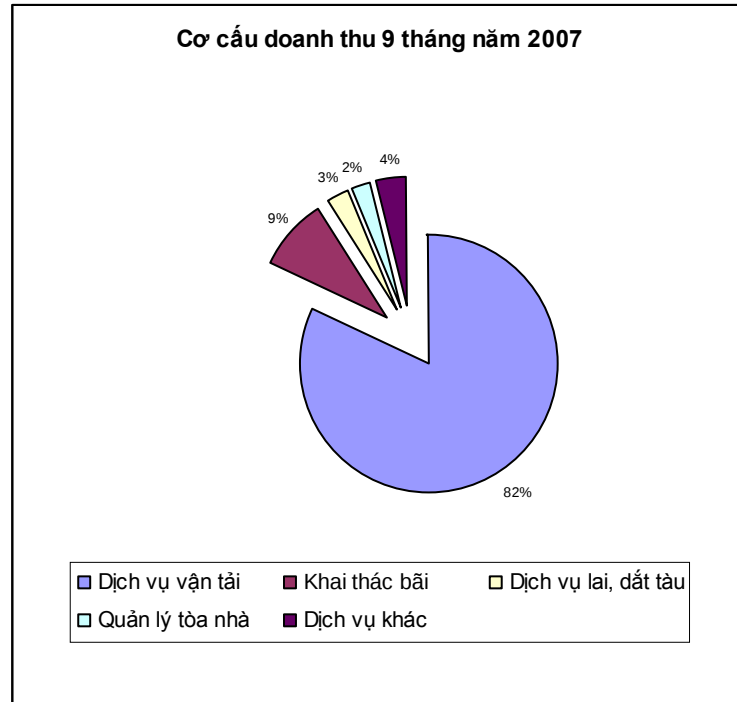
Nguồn: Tổng cục Hàng hải Việt Nam

Trong 3 khu vực Bắc, Trung, Nam thì số lượng tàu qua cảng ở miền Nam chiếm 37.8%, lượng tàu qua cảng miền Bắc chiếm 26.8% tổng lượng tàu. Trong khu vực miền Bắc cảng Hải Phòng có số lượng hàng hóa thông qua chiếm 55.2% tổng lượng hàng hóa thông qua của cả khu vực miền Bắc.

II. MHC TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG TRONG NĂM 2008, 2009 và 2010:

Trong năm 2008 công ty dự kiến phát hành thêm cổ phiếu huy động vốn vào việc tăng cường đội tàu vận chuyển.

Cơ cấu doanh thu của MHC trong 9 tháng đầu năm 2007:



1. Những dự án đầu tư khác:

- Đầu tư mua tàu chuyên dụng chở container Ocean Asian sức chở 950 teus.
- Mua 1 tàu lai công suất 100cv.
- Tham gia xây dựng đê chắn sóng Dung Quất – Quảng Ngãi, tham gia xây dựng đường hầm Thủ Thiêm – Tp. Hồ Chí Minh.
- Đóng mới 1 xà lan chuyên chở container.

- Mua 1 xe nâng rồng phục vụ khai thác bãi Hải An – Hải Phòng.
- Đưa 1 phần bãi Hải An vào khai thác chuyển container nội địa.

III. PHÂN TÍCH GIÁ TRỊ:

- Mức giá kỳ vọng trong năm 2008 là 46.00 tương đương với PER là 16.6x. Tuy nhiên, trong tương lai tốc độ tăng trưởng của MHC là khá thấp do sự cạnh tranh từ các công ty cùng ngành trong và ngoài nước khi Việt Nam gia nhập WTO trong khi thị phần về dịch vụ vận tải chiếm tỷ trọng lớn.

Bảng 2: So sánh MHC với các công ty cùng ngành trên thế giới

Đơn vị: USD

Iterm	SHC	MHC	China International Marine Cotainer Co LTD	Kepper Philippines Marine Inc	ASL Marine Holding Ltd
<i>Vốn hóa thị trường (m)</i>	57.40	9.495	7,116.14	123.44	270.79
<i>Giá hiện tại</i>	2.56	2.56	3.54	6.09	9.09
<i>Doanh thu (m)</i>	4,248.20	5.16	13.94	39.75	207.84
<i>Lợi nhuận sau thuế (m)</i>	355.01	0.2	0.98	5.72	26.27
<i>Tổng tài sản (m)</i>	2,936.07	2.12	12.1	84.68	289.94
<i>Nợ/ vốn chủ</i>	0.99	0.81	0.83	0.46	1.88
<i>EPS</i>	0.13	0.16	0.25	0.05	0.11
<i>P/E</i>	27.14	15.43	10.36	11.21	7.89
<i>ROE</i>	24.93	17.21	14.83	9.86	26.32
<i>ROA</i>	13.83	10.6	7.82	7.53	10.6

Nguồn: Reuters